

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Sông Đà 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 1.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/BB-ĐHĐCĐTN2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 1 ngày 29/06/2020 đã được Đại hội thông qua.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 1 năm 2020 quyết nghị thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020:

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.931.065	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	0	0%

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán với các số liệu chính như sau:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Tại thời điểm 31/12/2019	Ghi chú
A. TÀI SẢN:				
I	Tài sản ngắn hạn.	đồng	65.480.116.041	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	đồng	339.464.017	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	đồng		
3	Các khoản phải thu	đồng	33.127.299.042	

4	Hàng tồn kho	đồng	29.862.300.227	
5	Tài sản ngắn hạn khác	đồng	2.151.052.755	
II	Tài sản dài hạn.	đồng	753.674.910	
1	Các khoản phải thu dài hạn	đồng		
2	Tài sản cố định	đồng	250.289.745	
3	Bất động sản đầu tư	đồng		
4	Chi phí XDCB dở dang	đồng		
5	Các khoản đầu tư dài hạn	đồng		
6	Tài sản dài hạn khác	đồng	503.385.165	
	TỔNG TÀI SẢN:	đồng	66.233.790.951	
B. NGUỒN VỐN:				
I	Nợ phải trả.	đồng	156.694.932.598	
1	Nợ ngắn hạn	đồng	156.694.932.598	
2	Nợ dài hạn	đồng		
II	Vốn chủ sở hữu.	đồng	(90.461.141.647)	
1	Vốn chủ sở hữu	đồng	(90.461.141.647)	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	đồng		
	TỔNG NGUỒN VỐN:	đồng	66.233.790.951	

Kết quả SXKD năm 2019 đã được kiểm toán:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Năm 2019	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	đồng	1.323.309.386	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu.	đồng	1.389.440.000	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	đồng	(66.130.614)	
4	Giá vốn hàng bán.	đồng	2.388.510.472	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	đồng	(2.454.641.086)	
6	Doanh thu hoạt động tài chính.	đồng	3.353.531	
7	Chi phí tài chính.	đồng	2.183.185.092	
8	Chi phí bán hàng.	đồng		
9	Chi phí quản lý kinh doanh.	đồng	3.462.904.855	



10	LN thuần từ hoạt động KD.	đồng	(8.097.377.502)
11	Thu nhập khác.	đồng	8.753.496.156
12	Chi phí khác.	đồng	1.225.646.061
13	Lợi nhuận khác.	đồng	7.527.850.095
14	Tổng lợi nhuận trước thuế.	đồng	(569.527.407)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành.	đồng	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại.	đồng	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN.	đồng	(569.527.407)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu.	đồng	(90)

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.931.065	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	0	0%

3. Thông qua Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2019:

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.931.065	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	0	0%

4. Thông qua Báo cáo công tác hoạt động của BKS năm 2019:

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.931.065	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	0	0%

5. Thông qua Phân chia lợi nhuận năm 2019:



Không phân phối lợi nhuận do kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính đã kiểm toán có kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 lỗ.

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.929.515	99,97%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	1.550	0,03%

6. Thông qua quyết toán kinh phí hoạt động của HĐQT & BKS năm 2019; Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020:

- Quyết toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2019: Do kết quả SXKD được kiểm toán của Công ty bị lỗ nên HĐQT và BKS không nhận thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Dự toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020

1	Thù lao của HĐQT & BKS			240,000,000
a	Hội đồng quản trị.			168,000,000
	- Chủ tịch HĐQT	1	7,000,000	84,000,000
	- Phó CT HĐQT	2	5,000,000	12,000,000
	- Thành viên HĐQT	2	3,000,000	72,000,000
b	Ban kiểm soát			72,000,000
	- Trưởng ban	1	3,000,000	36,000,000
	- Thành viên BKS	2	1,500,000	36,000,000
	Tổng cộng			240,000,000

Kinh phí thù lao được quy đổi ra cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (không thanh toán bằng tiền).

- Nếu Công ty trong năm 2020 có lợi nhuận thì mức thù lao của HĐQT và BKS được hưởng bằng 100% kế hoạch.

- Nếu Công ty trong năm 2020 tiếp tục không có lợi nhuận thì mức thù lao của HĐQT và BKS được hưởng bằng 0% kế hoạch.

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.929.515	99,97%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	1.550	0,03%

7. Thông qua Tờ trình Ủy quyền; cho phép HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Ủy quyền phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020:



- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định: Đầu tư hoặc giao dịch bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
- Cho phép Tổng giám đốc được ký kết, thực hiện Hợp đồng; giao dịch với người, bên có liên quan được quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Điều 34 tại Điều lệ Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Cho phép việc Hội đồng quản trị có thể được chậm thực hiện về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; các loại báo cáo hơn so với quy định trong điều lệ.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán kết quả SXKD, báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.931.065	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	0	0%

8. Thông qua việc thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn thôi không tham gia HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 1 nhiệm kỳ 2018 -:- 2023.
- Ông Nguyễn Xuân Dũng là thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 1 nhiệm kỳ 2018 -:- 2023.

* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	5.931.065	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến gì	0	0%

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thống nhất giao cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội thông qua theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Điều 3: Các cổ đông; Các thành viên HĐQT & BKS; Ban Tổng giám đốc; Trưởng các Phòng, Ban chức năng; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty và các cổ đông công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện.



Nghị quyết này gồm 06 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/06/2020.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- UBCK nhà nước (B/c).
- Sở GDCK Hà Nội (B/c).
- Các cổ đông (B/c).
- HĐQT, BKS Công ty (T/h).
- Ban TGD.
- Lưu HĐQT, TCHC

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ**



Nguyễn Xuân Bình

